TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 63/2020/DS-ST. Ngày: 24/9/2020 V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**
2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa*: ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa*: Bà ***Phan Thị Thu Trang*** *– Kiểm sát viên.*

Trong các ngày 28/8/2020 và ngày 24/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp về chia thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2020/QĐHPT-DS, ngày 14/8/2020 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 21/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Hồ Thị N**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp H L, xã T M, huyện T M, Đồng Tháp.

**Chị N ủy quyền cho anh Nguyễn T T, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm M T, TT. M T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.*

Bị đơn: **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: số 25, lô D2 tuyến dân cư cầu sông C N, ấp 2, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

**Anh H ủy quyền cho anh Nguyễn Trường Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp 3, xã M T, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: khu dân cư xã N M, ấp B N, xã N M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp;

Nguyễn Thị N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp H D, xã N M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp H D, xã N M, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phương Trà, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Trường Đ, sinh năm 1979;

Nguyễn Minh Thái B, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 3, xã M T, TP C L, tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1977;

Võ Công S, sinh năm 1976;

Cùng Địa chỉ: Ấp B N, xã N M, huyện C L, Đồng Tháp.

(Anh T T, anh Trường Đ có mặt, các đương sự chị L, chị N, chị Đ, chị D, anh Thái B, chị P, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Anh Nguyễn T T đại diện cho chị Hồ Thị N*** trình bày*:* Vào năm 1978, bà Thương nhận chị N khoảng 3-4 tuổi làm con nuôi và sinh sống cùng bà Thương, anh H là cháu bà Thương gọi bà Thương là cô ruột. Bà Thương đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.089m^2, gồm các thửa 652, 654 và 655, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B N, xã N M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đo thực tế 5.077,9m^2 nằm trong các mốc M1, M2, M2A, M3, M3A, M4, M5, M6, M7, M8A, M8, M9A, M10, M11 tới M1 (trừ phần lộ không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 51m^2), bà Thương chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Thương chỉ có một mình chị N (con nuôi), bà Thương có một người anh ruột đã chết (chết trước bà Thương) là ông Nguyễn Văn Hai, ông Hai có các con ruột như sau: anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Ngọc L, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Xuân Đ, chị Nguyễn Thị Kim D, anh Nguyễn Trường Đ, anh Nguyễn Minh Thái B ngoài những người này không còn ai khác là con ông Hai. Một người em

ruột của bà Thương là ông Hồ Quốc Việt chết không có vợ con (liệt sỹ). Khi bà Thương chết, anh H đi khai tử bà Thương và giữ toàn bộ giấy tờ của bà Thương, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giữ luôn các thửa đất nói trên. Hiện nay, anh H cho chị P, anh S thuê toàn bộ đất để canh tác, chị N yêu cầu anh H giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục thừa kế nhưng anh H không trả nên chị N khởi kiện. Ngày 01/8/2018, UBND xã N M hòa giải nhưng anh H không đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả đất. Hai bên hòa giải không thành nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tới đại diện cho chị N xác định, giấy có tựa đề từ chối nhận tài sản của do chị N viết trong thời điểm sau khi bà Thương chết là do khi đó chị N có nợ Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex vay 500.000.000đ mua máy cắt. Sau đó, chồng bà N bỏ đi mang theo máy cắt, không biết đi đâu, đến hạn đáo nợ Ngân hàng, sợ Ngân hàng kê biên phần đất của bà Thương để lại nên mới làm giấy với nội dung để các thửa của bà Thương cho anh H sử dụng chứ không phải là giấy từ chối nhận di sản mà là giấy tặng cho đất nhưng thời điểm đó đất chưa thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị N và ý chí lúc này của chị N viết tờ này là để đối phó với các chủ nợ đồng thời để giữ lại đất của bà Thương.

Nay anh Tới đại diện cho chị N yêu cầu tuyên bố tờ cho đất với tiêu đề đơn xin không nhận tài sản ngày 07/3/2011 là vô hiệu, yêu cầu được thừa hưởng diện tích 5.077,9m^2, gồm các thửa 652, 654 và 655, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B N, xã N M, huyện Cao Lãnh buộc anh H, anh Đ, chị P, anh S giao đất cho chị sử dụng. Chị N đồng ý để lại 400m^2 đất làm khu mồ mã và một lối đi hợp lý từ lộ dal vào khu mộ.

- ***Anh Nguyễn Trường Đ đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh H và anh*** *trình bày:* Anh với anh H là anh em ruột cùng gọi bà Thương bằng cô ruột, không đồng ý với yêu cầu được hưởng thừa kế của chị Hồ Thị N vì: Nguồn gốc đất là của ông bà nội (ông Hồ Văn Sáu và bà Nguyễn Thị Tám) để lại cho cô ruột là Kim Thương. Ông, bà nội anh có 03 người con: Nguyễn Văn Hai (chết), Hồ Quốc Việt (chết – Liệt sĩ không vợ con) và bà Hồ Kim Thương. Phần đất tranh chấp là đất hương hỏa dùng vào việc thờ cúng và giao cho bà Hồ Kim Thương đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy trình bày là đất hương hỏa nhưng anh Đ xác định là đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Thương (Hồ Thi Kim Thương, Hồ Kim Thương, Hồ Thị Thương là một người và giấy chứng minh nhân dân tên là Hồ Kim Thương). Năm 2011, bà Thương chết không có di chúc bằng văn bản mà có di chúc miệng không người làm chứng với nội dung là bà Thương sẻ để đất cho anh, em, anh Đ, anh H canh tác thờ cúng ông bà. Thấy quyền tài sản thừa kế của mẹ nuôi là bà Thương không còn và sợ phải trả nợ thay cho bà Thương nên ngày 03/7/2011 chị N làm đơn xin không nhận tài sản mà để đất cho anh H sử dụng, văn bản này được UBND xã N M xác nhận. Ngoài ra, hiện anh Đ và anh H không thừa nhận chị N là con nuôi của bà Thương vì không có loại giấy tờ nào để minh chứng chị N là con nuôi, sở dĩ chị N có tên trong hộ khẩu của bà Thương là vì bà Thương cho nhập vào lúc chị N khoảng 5-6 tuổi để thuận tiện cho việc đi học. Tuy trình bày

nhập hộ khẩu để đi học nhưng anh Đ, anh H không biết gia Đ cha, mẹ ruột của chị N là ai, ở đâu. Với những lý do như đã trình bày ở trên với tư cách là người đại diện cho anh H và bản thân anh Đ với tư cách là người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà Thương xác định đất trên là đất của cô ruột là bà Thương, bà Thương chết không có con nuôi cũng như con ruột nên đất trên thuộc quyền thừa hưởng của hàng thừa kế thứ ba là cháu ruột gọi bà Thương bằng cô ruột tức là anh, em của anh Đ, anh H nhưng trong vụ án này anh Đ cũng như anh H chưa yêu cầu được thừa hưởng mà để giải quyết vụ án với chị N xong các anh em của anh Đ, anh H tự thỏa thuận phân chia với nhau, phân chia không được sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Hàng thừa kế thứ ba của bà Thương là anh em ruột anh Đ, anh H gồm: anh H, chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, anh Đ, anh Thái B ngoài những người này không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà Thương tức là không còn ai là cháu ruột gọi bà Thương bằng cô ruột hoặc dì ruột. Vậy nên anh H, anh Đ đề nghị xử không chấp nhận tư cách con nuôi của chị N đối với bà Thương, không đồng ý giao 03 thửa đất trên cho chị N thừa hưởng. Trong trường hợp tòa án chấp nhận yêu cầu hưởng thừa kế của chị N thì anh Đ, anh H cũng không yêu cầu xem xét, tính trả công lao gìn giữ, bồi đắp di sản của mình. Về đất từ khi nhận quản lý anh H, anh Đ cho vợ chồng anh S, chị P thuê thời hạn 15 năm đến nay chưa hết hạn nên anh S, chị P vẫn còn canh tác. Hợp đồng thuê đất trên anh Đ, anh H không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết, có tranh chấp hai anh sẽ giải quyết với chị P, anh S sau. Về thành viên ở cùng hộ khẩu với bà Thương như anh H, chị Cúc, anh Minh Nhựt, chị Trúc Linh, anh Nhựt Linh chỉ ở cùng hộ khẩu chứ không có quan hệ sử dụng đất và cũng không sử dụng đất từ nhập hộ khẩu đến nay.

Anh Nguyễn Minh Thái B trình bày trong biên bản hòa giải: anh là cháu gọi bà Thương cô ruột và là người thuộc hàng thừa kế thứ 3 của bà Thương anh thống nhất theo nội dung trình bày của anh Đ.

Các đương sự còn lại như: Chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, chị P, anh S vắng mặt khi hòa giải, công khai chứng cứ cũng như xét xử nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu kèm theo:

+ Đơn xin từ chối nhận tài sản ngày 11/3/2011 (photo công chứng);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (pho to);

+ Đơn xin xác nhận ngày 21/12/2018 (bản chính);

+ Giấy xác nhận thông tin hồ sơ cấp giấy chứng minh thư ngày 14/6/2018 (photo);

+ Công văn số: 281a/CAH-QLHC ngày 15/6/2018 (photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu quan điểm về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật dân sự là "*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*". Quyền sử dụng đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã N M, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, chị P, anh S, anh Thái B vắng mặt không lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự trên đảm bảo quyền lợi cho đương sự còn lại.

[2] **Về nội dung:**

Nguồn gốc đất các thửa 652, 654 và 655, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã N M, huyện Cao Lãnh UBND huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hồ Kim Thương có diện tích 5.089m^2 đo thực tế 5.077,9m^2. Sinh thời bà Kim Thương không chồng con vào khoảng năm 1978 có nhận chị N làm con nuôi đặt tên Hồ Thị N. Căn cứ vào công văn số: 381a/CAH-QLHC ngày 15/6/2018 của Công an huyện Cao Lãnh thể hiện từ năm 1980 đến năm 1996 trong hộ khẩu của bà Hồ Thị Kim Thương (Hồ Kim Thương) có nhân khẩu Hồ Thị N là con bà Thương. Công văn số: 885/GXN-CMND ngày 14/6/2018 của Công an tỉnh Đồng Tháp khi chị N làm giấy chứng minh nhân dân phần cha, mẹ ghi bà Thương là mẹ của chị N. Ngoài ra, trong tờ tường trình ngày 28/3/2018 anh H cũng thừa nhận bà Thương có xin con nuôi là chị Hồ Thị N sinh năm 1979. Như vậy có căn cứ để công nhận chị N là con nuôi bà Thương. Năm 2011 bà Thương chết không để lại di chúc định đoạt 03 thửa đất 652, 654 và 655, tờ bản đồ số 06 sẽ thuộc về ai, bà Thương không có con ruột nên hàng thừa kế thứ nhất của bà Thương là chị N (con nuôi) như quy định tại điểm a, khoản 1, điều 651 Bộ luật dân sự. Phía anh Đ, anh H, anh Thái B khi hòa giải đều cho rằng chị N không phải con nuôi bà Thương vì chị N không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng bà Thương nhưng lại không đưa ra căn cứ cho rằng chị N không thực hiện nghĩa nuôi dưỡng bà Thương đúng quy định nên ý kiến này của các anh là không phù hợp . Ngoài ra, các anh cũng cho rằng sau khi bà Thương chết sợ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị N có lập văn tự từ chối nhận di sản nên không còn quyền thừa hưởng. Tuy N, căn cứ vào điều 620 Bộ luật dân sự chị N không có quyền từ chối nhận di sản vì lý do trốn tranh nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, theo nội dung ghi nhận trong văn tự thể hiện chị N định đoạt 03 thửa đất cho anh H sử dụng trong khi chị chưa được công nhận quyền sử dụng hợp pháp 03 thửa đất thì

chị không có quyền tặng cho người khác. Như vậy, có căn cứ để tuyên vô hiệu văn bản ngày 07/3/2011 như yêu cầu của chị N.

Với những tình tiết đã được phân tích trên xét yêu cầu của chị N yêu cầu được thừa hưởng 03 thửa đất đồng thời đồng ý cắt lại 400m^2 dành đất mồ mả và một lối đi hợp lý vào khu mộ là có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Về lối đi vào khu mộ Hội đồng xét xử thấy dành lối di có diện tích 85,9m^2 (kích thước ngang 01m, dài tính từ lộ vào tới khu mộ) là hợp lý. Vậy hàng thừa kế thứ 3 của bà Thương và người đang quản lý đất thông qua giao dịch thuê đất (vợ chồng anh S, chị P) có nghĩa vụ giao diện tích đất 4.592m^2 cho chị N sử dụng.

- Xét phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị N là phù hợp nên chấp nhận toàn bộ lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

[3] **Về án phí**: Chị Hồ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu chia thừa kế của mình được chấp nhận. Các đương sự anh H, anh Đ, chị P, anh S, chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, anh Thái B phải nộp 300.000đồng tiền án phí cho yêu cầu giao đất của chị N được chấp nhận theo Nghị Quyết về án phí, L phí số: 326/2016/PL-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Và số tiền án phí được tính như sau:

+ Giá trị đất chị N được thừa hưởng 4.592m^2 trong đó đất ở nông thôn 492,7m^2 x 300.000đồng/m^2 + đất trồng cây lâu năm 1.670,4m^2 x 90.000đồng/m^2 + 2.428,9m^2 x 65.000đồng/m^2 = 147.810.000đồng + 150.336.000đồng + 157.878.500đồng = 456.024.500đồng. Án phí phải nộp 20.000.000đồng + 56.024.500đồng x 4% = 22.241.000đồng.

[4] **Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản**: anh H, anh Đ, chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, anh Thái B phải nộp 6.525.500 đồng để trả lại cho chị N vì chị tạm ứng trước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; điều 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; điều 26 luật thi hành án dân sự; Nghị Quyết về án phí, L phí số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu được hưởng di sản và tuyên bố vô hiệu văn bản ngày 7/3/2011 của chị Hồ Thị N;

- Tuyên bố văn bản có tiêu đề đơn xin không nhận di sản ngày 07/3/2011 là vô hiệu.

- Chị Hồ Thị N được thừa hưởng 4.592m^2 (5077,9m^2 – 400m^2 – 85,9m^2) thuộc thửa 652, 654 và 655, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B N, xã N M, huyện Cao Lãnh loại đất cây lâu năm, đất lúa, đất ở nông thôn cùng toàn bộ tài sản có trên đất. Đất nằm trong phạm vi các mốc M1, M18, M17, M16, M13, M12, M15, M14, M3A, M4, M5, M6, M7, M8A, M8, M9A, M9, M10, M11 về M1.

- Buộc anh Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Trường Đ, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Võ Công S, chị Nguyễn Ngọc L, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Kim D, chị Nguyễn Thị Xuân Đ, anh Nguyễn Minh Thái B có nghĩa vụ giao cho chị Hồ Thị N 4.592m^2 cùng toàn bộ tài sản có trên đất như đã tuyên trên.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 18/5/2020 cùng sơ đồ đo đạc khu đất tranh chấp giữa bà N với ông H của Trung Tâm Kỷ thuật Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp cắt theo công văn số: 358/2020 ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh).

Đề nghị UBND huyện Cao Lãnh thu hồi đất 4.592m^2 thuộc thửa 652, 654 và 655, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp B N, xã N M, huyện Cao Lãnh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Hồ Kim Thương để cấp lại cho chị Hồ Thị N.

* Chị Hồ Thị N được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao quyền quản lý lối di và khu mộ có diện tích 485,9m^2 cho anh Đ, anh H. Lối di và khu mộ nằm trong phạm vi các mốc M2, M2A, M3, M14, M15, M12, M13, M16, M17, M18 về M2.

* **Về án phí**:

- Chị Hồ Thị N phải nộp 22.241.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.600.000đồng theo các biên lai số 0009595 ngày 07/02/2020 và biên lai số 0004046 ngày 31/8/2020. Sau khi khấu trừ thì chị N phải nộp tiếp 13.641.000đồng.

+ Các đương sự anh H, anh Đ, chị P, anh S, chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, anh Thái B phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: anh H, anh Đ, chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, anh Thái B phải nộp 6.525.500 đồng để trả lại cho chị N vì chị đã tạm ứng trước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng chị P, anh S, chị L, chị N, chị D, chị Xuân Đ, anh Thái B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang